



A MEMBER OF JHI INTERNATIONAL CPA NETWORK



GLOBAL PRESENCE - LOCAL EXCELLENCE

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

AUDITED REPORT
OF FINANCIAL STATEMENTS

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
PHÚ GIA
PHU GIA SECURITIES CORPORATION**

NĂM 2009

ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN : CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN
VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING
SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)



MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám Đốc	03 - 04
Báo cáo của kiểm toán	05 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
1 - Bảng cân đối kế toán	06 - 10
2 - Kết quả hoạt động kinh doanh	11 - 11
3 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
4 - Thuyết minh Báo cáo tài chính	14 - 22



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám Đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán PHÚ GIA (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán PHÚ GIA là Công ty cổ phần, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005804 ngày 27 tháng 12 năm 2006; Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 47/UBCK-GPHĐKD ngày 28/12/2006 và Giấy phép điều chỉnh số 63/UBCK-GP ngày 21/08/2007 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 13A Tú Xương, phường 7, quận 3, TP. HCM và Lầu 5 Tòa nhà Khánh Nguyên, 63 Phạm Ngọc Thạch, quận 3, TP. HCM

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng Quản trị bao gồm :

Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Hùng	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Quang Độ	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Duy Gia	Thành viên
Ông Phan Tôn Việt Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Quang A	Thành viên
Bà Võ Thị Ành Tuyết	Thành viên

Thành viên Ban Giám đốc bao gồm :

Ông Lê Hồng Sơn	Tổng Giám đốc
Bà Võ Thị Ành Tuyết	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ❖ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán
- ❖ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý, thận trọng
- ❖ Tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành.
- ❖ Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành
- ❖ Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ GIA
13A Tú Xương, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Ban Giám Đốc Công ty cam kết Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm 2009 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán PHÚ GIA phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty.

TP. HCM, ngày tháng năm 2010

Thay mặt Hội đồng Quản trị

TP. HCM, ngày 15 tháng 3 năm 2010

Thay mặt Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc



Lê Hồng Sơn



Số. 278. BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ GIA
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Kính gửi : HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ GIA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ GIA** lập ngày 10/03/2010 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009, Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính trong năm 2009 kết thúc ngày 31/12/2009 được trình bày từ trang 06 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên :

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính của **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ GIA** đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm 2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan, tùy thuộc vào khoản lập dự phòng giảm giá chứng khoán đối với cổ phiếu chưa niêm yết với giá trị : 5.001.525.000 VND được chấp thuận.

TP. HCM, ngày 29... tháng 3... năm 2010

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Khắc Thanh
Chứng chỉ KTV số: D.0064/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

Võ Thị Mỹ Hương
Chứng chỉ KTV số: 0858/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chỉ tiêu	Mã số	T.minh	Số cuối kỳ	Đơn vị : VND
				Số đầu năm
TÀI SẢN				
A – TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		146.736.709.518	26.633.162.574
<i>I Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110		31.599.329.807	9.733.842.843
1. Tiền	111	V.1	31.599.329.807	9.733.842.843
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
<i>II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120	V.2	14.621.312.286	15.288.414.460
1. Đầu tư ngắn hạn	121		19.622.837.286	22.227.294.650
2. Dự phòng giảm giá Đầu tư ngắn hạn (*)	129		(5.001.525.000)	(6.938.880.190)
<i>III Các khoản phải thu</i>	130	V.10	100.166.459.318	409.362.630
1. Phải thu của khách hàng	131		245.651.132	0
2. Trả trước cho người bán	132		195.400.000	47.600.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	134		203.920.391	0
5. Các khoản phải thu khác	138		99.521.487.795	361.762.630
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		0	0
<i>IV Hàng tồn kho</i>	140	V.3	47.867.050	47.867.050
<i>V Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		301.741.057	1.153.675.591
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		286.037.766	1.127.926.500
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		0	0
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	154		0	0
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		15.703.291	25.749.091

050689.
CÔNG TY
NHIỆM HỮU
VỤ TỰ V
HÌNH KẾ T
KIỂM TOÁ
HÓA NÂN
TP. HỒ C

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chỉ tiêu	Mã số	T.minh	Số cuối năm	Đơn vị: VND Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.947.281.368	11.746.363.218
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.612.345.000	7.612.345.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		7.271.425.000	7.271.425.000
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		0	0
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		0	0
4. Phải thu dài hạn khác	218		340.920.000	340.920.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		0	0
II. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	220		2.155.717.015	4.002.955.147
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	2.083.301.401	3.793.362.469
- Nguyên giá	222		5.347.821.798	5.709.046.029
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(3.264.520.397)	(1.915.683.560)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	72.415.614	209.592.678
- Nguyên giá	228		411.531.164	411.531.164
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(339.115.550)	(201.938.486)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		0	0
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
- Nguyên giá	241		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		0	0
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		0	0
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		0	0
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
4. Đầu tư dài hạn khác	258		0	0
5. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn (*)	259		0	0
V. Tài sản dài hạn khác	260		179.219.353	131.063.071
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		0	0
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263		179.219.353	131.063.071
4. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		156.683.990.886	38.379.525.792



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	T.minh	Số cuối năm	Số đầu năm
NGUỒN VỐN				
A. Nợ phải trả	300		129.451.809.354	12.836.690.477
I. Nợ ngắn hạn	310		129.451.809.354	12.836.690.477
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		2.850.000.000	2.500.000.000
2. Phải trả cho người bán	312		0	167.480.000
3. Người mua trả tiền trước	313		100.000.000	75.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8	801.368.009	924.450.192
5. Phải trả người lao động	315		158.004.000	0
6. Chi phí phải trả	316		0	0
7. Phải trả nội bộ	317		0	0
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		28.951.639.378	8.106.097.685
9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		714.967	5.582.600
10. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		0	0
11. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	328	V.11	96.590.083.000	1.058.080.000
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		0	0
II. Nợ dài hạn	330		0	0
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		0	0
3. Phải trả dài hạn khác	333		0	0
4. Vay và nợ dài hạn	334		0	0
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		0	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	0
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
8. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	339		0	0
B. Vốn chủ sở hữu	400	V.12	27.232.181.532	25.542.835.315
I. Vốn chủ sở hữu	410		27.232.181.532	25.542.835.315
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		43.000.000.000	43.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		0	0
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		0	0
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		0	0
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	0
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(15.767.818.468)	(17.457.164.685)
II. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		156.683.990.886	38.379.525.792



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		
3. Tài sản nhận ký cược	003		
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		
5. Ngoại tệ các loại	005		
6. Chứng khoán lưu ký	006		
Trong đó			
<i>Chứng khoán giao dịch</i>	007		
Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	126.090.000	
Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	73.945.260.000	32.984.610.000
Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	421.690.000	615.290.000
Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	011		
<i>Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</i>	012		
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013		
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	1.089.550.000	
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015		
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	016		
<i>Chứng khoán cầm cố</i>	017		
Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018		
Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019		
Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	020		
Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	021		
<i>Chứng khoán tạm giữ</i>	022		
Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	023		
Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	024		
Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	025		
Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	026		
<i>Chứng khoán chờ thanh toán</i>	027		
Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028		
Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		
Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030		
Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	031		
<i>Chứng khoán phong tỏa chờ rút</i>	032		
Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	033		
Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	034		
Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	035		
Chứng khoán phong tỏa chờ rút của tổ chức khác	036		
<i>Chứng khoán chờ giao dịch</i>	037		
Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038		
Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		
Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040		
Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	041		
Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042		
Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của thành viên lưu ký	043		
Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	044		
Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng nước ngoài	045		
Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của tổ chức khác	046		
<i>Chứng khoán sửa lỗi giao dịch</i>	047		
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050		
Trong đó :			
<i>Chứng khoán giao dịch</i>	051		
Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052		
Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053		
Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054		
Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	055		
<i>Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</i>	056		
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	057		

285068
ÔNG T
NHẬN HƯ
H VU TƯ
HÌNH KẾ
KIỂM TỐ
PHÍA NA
TP. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ GIA
13A Tú Xương, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	059
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	060
<i>Chứng khoán cầm cố</i>	061
Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	062
Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	063
Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	064
Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	065
<i>Chứng khoán tạm giữ</i>	066
Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	067
Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	068
Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	069
Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	070
<i>Chứng khoán chờ thanh toán</i>	071
Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	072
Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073
Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	074
Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	075
<i>Chứng khoán phong tỏa chờ rút</i>	076
Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	077
Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	078
Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	079
Chứng khoán phong tỏa chờ rút của tổ chức khác	080
<i>Chứng khoán sửa lỗi giao dịch</i>	081
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083
10. Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	084

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP. HCM, ngày 10 tháng 03 năm 2010

Tổng Giám đốc

[Signature]

Đoàn Thị Hồng Loan



Lê Hồng Sơn



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

NĂM 2009

Đơn vị : VND

Chỉ tiêu	Mã số	T.minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	01.1		13.689.309.940	3.139.485.761
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.2		7.562.034.531	1.680.679.820
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.3		1.018.950.723	9.547.470
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.4		0	9.027.600
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		2.193.315.000	60.000.000
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		15.145.500	1.200.000
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		0	0
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		0	0
- Doanh thu khác	01.9		2.899.864.186	1.379.030.871
2. Các khoản giảm trừ	02		479.800.673	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		13.209.509.267	3.139.485.761
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11		6.886.814.545	9.320.013.759
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		6.322.694.722	(6.180.527.998)
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.783.936.222	11.714.864.472
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.538.758.500	(17.895.392.470)
8. Thu nhập khác	31		306.482.205	117.146.934
9. Chi phí khác	32		155.894.488	0
10. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		150.587.717	117.146.934
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.689.346.217	(17.778.245.536)
12. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		0	0
13. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		0	0
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.689.346.217	(17.778.245.536)
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

TP. HCM, ngày 10 tháng 03 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đoàn Thị Hồng Loan

Lê Hồng Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2009

(Theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Đơn vị: VND Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>		1.689.346.217	(17.778.245.536)
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định		1.707.928.098	1.545.220.967
Các khoản dự phòng		(1.937.355.190)	
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện			
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(340.846.558)	
Chi phí lãi vay		533.750.000	88.624.123
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</i>		1.652.822.567	(16.144.400.446)
Tăng, giảm các khoản phải thu		(99.747.050.888)	5.454.520.560
Tăng, giảm hàng tồn kho			
Tăng, giảm các khoản phải trả		116.389.952.541	926.391.561
Tăng, giảm chi phí trả trước		841.888.734	136.816.070
Tiền lãi vay đã trả		(533.750.000)	(88.624.123)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(124.833.664)	
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(48.156.282)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD		18.430.873.008	(9.715.296.378)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác		(16.584.454)	(2.743.375.598)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác		232.491.036	
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác			
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		0	10.507.037.390
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.604.457.364	
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		264.250.010	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		3.084.613.956	7.763.661.792
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		350.000.000	(775.000.000)
Tiền chi trả nợ gốc vay			
Tiền chi trả nợ thuế tài chính			
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		350.000.000	(775.000.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (20+30+40)		21.865.486.964	(2.726.634.586)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		9.733.842.843	12.460.477.429
Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)		31.599.329.807	9.733.842.843

05
C/N
NH
VL
HN
K/L
PH
TF

TP. HCM ngày 10 tháng 03 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đoàn Thị Hồng Loan



Lê Hồng Sơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán PHÚ GIA là Công ty cổ phần, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005804 ngày 27 tháng 12 năm 2006; Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 47/UBCK-GPHĐKD ngày 28/12/2006 và Giấy phép điều chỉnh số 63/UBCK-GP ngày 21/08/2007 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 13A Tú Xương, phường 7, quận 3, TP. HCM và lầu 5 tòa nhà Khánh Nguyên, 63 Phạm Ngọc Thạch, quận 3, TP. HCM

Lĩnh vực kinh doanh : Kinh doanh chứng khoán

Loại hình kinh doanh (Theo Giấy phép số 47/UBCK-GPHĐKD) :

- Môi giới chứng khoán
- Tự doanh chứng khoán (năm 2009 không còn hoạt động do số vốn không đáp ứng yêu cầu)
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỷ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

Chế độ kế toán áp dụng :

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 25/03/2006 và Chế độ kế toán Công ty chứng khoán theo Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Công ty đã áp dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi qui định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng :

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung trên máy vi tính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền :

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo qui định tại Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính :

- Các khoản đầu tư vào Công ty con: không phát sinh



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ GIA
13A Tú Xương, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

- Các khoản vốn góp liên doanh: không phát sinh
 - Các khoản đầu tư chứng khoán : Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu chưa niêm yết
 - Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác : không phát sinh
 - Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn :
 - + Đối với cổ phiếu đã niêm yết : không trích lập dự phòng do đã bán hết
 - + Đối với cổ phiếu chưa niêm yết : Năm 2009 không trích lập dự phòng, số dư chuyển từ năm 2008.
- Giá lập dự phòng năm 2008 tương đương 30% giá mua cổ phiếu

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

- Chi phí trả trước : chi phí phát sinh trong năm tài chính, có thời gian phân bổ 01 năm kể từ khi phát sinh

- Chi phí khác : không phát sinh
- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước : phân bổ theo đường thẳng

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả : không phát sinh

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả : không phát sinh

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu : ghi nhận theo vốn thực góp
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản : không phát sinh
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá : không phát sinh
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : Lợi nhuận chưa phân phối được ghi nhận lợi nhuận phát sinh trong năm tài chính trừ phân phối lợi nhuận, chia cổ tức và chi phí khác

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu :

Doanh thu bán hàng :

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau :

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Công ty thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ :

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau :

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau :

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó ;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại : không phát sinh

Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái : không phát sinh



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ GIA
13A Tú Xương, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

- Các khoản vốn góp liên doanh: không phát sinh
 - Các khoản đầu tư chứng khoán : Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu chưa niêm yết
 - Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác : không phát sinh
 - Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn :
 - + Đối với cổ phiếu đã niêm yết : không trích lập dự phòng do đã bán hết
 - + Đối với cổ phiếu chưa niêm yết : Năm 2009 không trích lập dự phòng, số dư chuyển từ năm 2008.
- Giá lập dự phòng năm 2008 tương đương 30% giá mua cổ phiếu

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

- Chi phí trả trước : chi phí phát sinh trong năm tài chính, có thời gian phân bổ 01 năm kể từ khi phát sinh

- Chi phí khác : không phát sinh
- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước : phân bổ theo đường thẳng

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả : không phát sinh

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả : không phát sinh

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu : ghi nhận theo vốn thực góp
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản : không phát sinh
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá : không phát sinh
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : Lợi nhuận chưa phân phối được ghi nhận lợi nhuận phát sinh trong năm tài chính trừ phân phối lợi nhuận, chia cổ tức và chi phí khác

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu :

Doanh thu bán hàng :

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau :

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Công ty thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ :

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau :

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau :

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó ;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại : không phát sinh

Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái : không phát sinh



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	0	0
Tiền gửi ngân hàng	31.599.329.807	9.733.842.843
Tiền đang chuyển	0	0
Các khoản tương đương tiền	0	0
Tổng	31.599.329.807	9.733.842.843

Số dư tiền gửi ngân hàng tại thời điểm 31/12/2009 phù hợp giữa sổ kế toán chi tiết của Công ty với sổ phụ các Ngân hàng giao dịch, bao gồm :

Tiền gửi của Công ty	2.658.954.584
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - BIDV	1.370.366
Ngân hàng Phát triển Nhà - HDB	3.774.128
Ngân hàng Ngoại Thương - Vietcombank	304.976.909
Ngân hàng Phương Nam - PNB	51.539.767
Ngân hàng Phát triển Nhà - HDB Chi nhánh Duy Tân	2.297.293.414
Tiền gửi của Nhà đầu tư	26.814.142.548
Ngân hàng Ngoại Thương - Vietcombank	2.270.199.996
Ngân hàng Phương Nam - PNB	82.230.608
Ngân hàng Xuất nhập khẩu - Eximbank	140.000
Ngân hàng Nông nghiệp Phát triển nông thôn	1.163.379
Ngân hàng Đông Á	221.386.177
Ngân hàng Ngoại Thương - Vietcombank Hà Nội	967.842.378
Ngân hàng Kỹ Thương - Techcombank	2.013.189
Ngân hàng Á Châu - ACB	293.106.664
Ngân hàng Phát triển Nhà - HDB Hà Nội	2.702.195.568
Ngân hàng Ngoại Thương - Vietcombank TP. HCM	984.052
Ngân hàng Phát triển Nhà - HDB Duy Tân	20.272.880.537
Tiền gửi thanh toán bù trừ	2.126.232.675
Tiền gửi thanh toán bù trừ của Công ty chứng khoán	1.693.019
Tiền gửi thanh toán bù trừ của nhà đầu tư trong nước	2.020.958.993
Tiền gửi thanh toán bù trừ của nhà đầu tư nước ngoài	36.714.892
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch Upcom	66.865.771
Cộng	31.599.329.807



2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	19.622.837.286	22.227.294.650
b. Đầu tư ngắn hạn khác	0	0
c. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(5.001.525.000)	(6.938.880.190)
Tổng	14.621.312.286	15.288.414.460

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ GIA
13A Tú Xương, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

a. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn tại ngày 31/12/2009 bao gồm :

Mã CK	Số lượng	Thành tiền
Cổ phiếu đã niêm yết		12.087.286
ACB	24	717.836
BMC	8	1.159.200
BBC	7	70.700
DIC	6	108.000
CDC	50	825.000
HAI	80	2.856.000
HPG	4	107.600
HAS	6	153.900
HBC	6	459.000
HNH	50	770.000
PET	8	143.150
PPC	5	157.500
PVC	10	187.000
PVI	80	1.888.000
VIC	5	264.400
VMC	70	1.680.000
VTO	5	55.500
VTB	17	484.500
Cổ phiếu chưa niêm yết		19.610.750.000
CTCP Bảo vệ thực vật An Giang (AGPPS)	20.000	2.939.000.000
CTCP Địa ốc Đà Lạt (Dalarealco)	150.000	5.205.000.000
Công ty TMDV Bến Thành	65.000	4.566.250.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB)		
+ Cổ phiếu	43.500	3.365.000.000
+ Trái phiếu	277	415.500.000
Ngân hàng TMCP Phương Nam (PNB)	50.000	3.120.000.000
Cộng		19.622.837.286

c. Dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn bao gồm :

Mã CK	Giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2009	Lập dự phòng tại ngày 31/12/2009
Chứng khoán chưa niêm yết	19.610.750.000	5.001.525.000
CTCP Bảo vệ thực vật An Giang (AGPPS)	2.939.000.000	
CTCP Địa ốc Đà Lạt (Dalarealco)	5.205.000.000	1.561.500.000
Công ty TMDV Bến Thành	4.566.250.000	1.369.875.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB)		
+ Cổ phiếu	3.365.000.000	1.009.500.000
+ Trái phiếu	415.500.000	124.650.000
Ngân hàng TMCP Phương Nam (PNB)	3.120.000.000	936.000.000

Giá để tính Dự phòng giảm giá chứng khoán đối với chứng khoán chưa niêm yết được ước tính là 30% giá mua của chứng khoán. Trong năm 2009, không trích lập thêm dự phòng giảm giá chứng khoán đối với chứng khoán chưa niêm yết.

3. Các khoản phải thu :

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng	245.651.132	0
Trả trước cho người bán	195.400.000	47.600.000
Phải thu nội bộ		
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán (*)	203.920.391	0
Phải thu khác (**)	99.618.296.092	361.762.630
Dự phòng phải thu khó đòi		
Tổng	100.263.267.615	409.362.630

(*) Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm :

Phải thu Sở Giao dịch chứng khoán	77.370.391
Phải thu Trung tâm lưu ký chứng khoán	126.550.000
Cộng	203.920.391

(**) Phải thu khác :

Phải thu ứng trước tiền bán chứng khoán	9.997.420.298
Phải thu ủy thác mua trái phiếu	1.762.500.000
Phải thu hỗ trợ vốn kinh doanh chứng khoán	21.740.279.608
Phải thu khác	66.009.032.821
Phải trả lãi tiền gửi nhà đầu tư (Số dư nợ)	12.255.068
Cộng	99.521.487.795

4. Hàng tồn kho

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	47.867.050	47.867.050
- Công cụ dụng cụ		
Tổng	47.867.050	47.867.050

5. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch Thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
a. Của Công ty chứng khoán		
- Cổ phiếu		
- Trái phiếu		
- Chứng khoán khác		
b. Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	17.555.920	530.102.934.000
- Trái phiếu		
- Chứng khoán khác		
Tổng	17.555.920	530.102.934.000

6. Tình hình đầu tư tài chính					
Chi tiêu	Số lượng	Giá trị theo	So với giá thị trường		Ghi chú
		sổ kế toán	Tăng	Giảm	
I. Chứng khoán thương mại					
II. Chứng khoán đầu tư					
- Chứng khoán sẵn sàng để bán		19.622.837.000		5.001.525.000	14.621.312.000
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn					
III. Đầu tư góp vốn					
IV. Đầu tư tài chính khác					

7. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình						Đơn vị : VND
Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm		3.254.450.705	1.022.035.900	1.324.389.402	108.170.022	5.709.046.029
- Mua trong năm		16.584.454				16.584.454
- Đầu tư XDCB hoàn thành						0
- Tăng khác						0
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán		(180.378.390)		(177.260.273)	(20.170.022)	(377.808.685)
- Giảm khác						0
Số dư cuối năm	0	3.090.656.769	1.022.035.900	1.147.129.129	88.000.000	5.347.821.798
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm		1.023.237.223	156.144.373	697.924.174	38.377.790	1.915.683.560
- Khấu hao trong năm		963.520.284	170.339.316	411.919.758	24.971.676	1.570.751.034
- Tăng khác		(86.869.105)		(131.123.146)	(3.921.946)	(221.914.197)
- Chuyển sang BĐS đầu tư						0
- Thanh lý, nhượng bán						0
- Giảm khác						0
Số dư cuối năm	0	1.899.888.402	326.483.689	978.720.786	59.427.520	3.264.520.397
Giá trị còn lại của TSCĐHH						
Tại ngày đầu năm	0	2.231.213.482	865.891.527	626.465.228	69.792.232	3.723.570.237
Tại ngày cuối năm	0	1.190.768.367	695.552.211	168.408.343	28.572.480	2.083.301.401



8. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình						
Số dư đầu năm				411.531.164		411.531.164
- Mua trong năm						0
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp						0
- Tăng do hợp nhất kinh doanh						0
- Tăng khác						0
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						0
Số dư cuối năm			0	411.531.164	0	411.531.164
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm				201.938.486		201.938.486
- Khấu hao trong năm				137.177.064		137.177.064
- Tăng khác						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm			0	339.115.550	0	339.115.550
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình						
- Tại ngày đầu năm			0	209.592.678	0	209.592.678
- Tại ngày cuối năm			0	72.415.614	0	72.415.614



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ GIA
13A Tú Xương, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

9. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
- Tiền nộp bổ sung	59.219.353	11.063.071
- Tiền lãi phân bổ trong năm		
Tổng	179.219.353	131.063.071

10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Thuế Giá trị gia tăng	1.751.481	
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	0	
- Thuế xuất, nhập khẩu		
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	0	124.833.664
- Thuế thu nhập cá nhân	799.616.528	799.616.528
- Thuế tài nguyên		
- Thuế nhà đất		
- Tiền thuê đất		
- Thuế khác		
- Các khoản phí, lệ phí phải nộp khác	0	0
Tổng	801.368.009	924.450.192

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11. Cân đối phải thu, phải trả trong giao dịch chứng khoán :

Tiền gửi của Nhà đầu tư	26.814.142.548	
Tiền gửi thanh toán bù trừ (của nhà đầu tư)	2.125.396.729	
Phải trả tiền lãi nhà đầu tư (số dư nợ)	12.255.068	
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		28.951.639.378
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		154.967
Cộng	28.951.794.345	28.951.794.345

12. Các khoản phải trả phải nộp khác

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thừa trong giao dịch chứng khoán chờ xử lý (*)	100.500.000	0
Kinh phí công đoàn	31.887.000	31.887.000
Bảo hiểm y tế	0	85.452.000
Bảo hiểm xã hội	4.196.000	382.241.000
Doanh thu chưa thực hiện	140.000.000	245.000.000
Các khoản phải nộp khác (**)	96.313.500.000	313.500.000
Tổng	96.590.083.000	1.058.080.000

(*) Thừa trong giao dịch chứng khoán chờ xử lý là khoản mượn 1.000 chứng khoán NPS để sửa lỗi giao dịch

(**) Các khoản phải trả phải nộp khác bao gồm

Phải trả tiền đặt cọc môi giới mua chứng khoán	96.000.000.000
Phải trả phải nộp khác	313.500.000
Cộng	96.313.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ GIA
13A Tú Xương, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

13. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Vốn chủ sở hữu	43.000.000.000			43.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần				0
Vốn khác chủ sở hữu				0
Cổ phiếu quỹ				0
Chênh lệch đánh giá lại tài sản				0
Chênh lệch tỷ giá hối đoái				0
Quỹ đầu tư phát triển				0
Quỹ dự phòng tài chính				0
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu				0
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(17.457.164.685)	1.689.346.217		(15.767.818.468)
Tổng cộng	25.542.835.315	1.689.346.217	0	27.232.181.532

14. Doanh thu :

Chỉ tiêu

Năm nay

Năm trước

Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán

Doanh thu môi giới chứng khoán niêm yết

7.561.210.201

1.620.441.820

Doanh thu môi giới chứng khoán OTC

824.330

60.238.000

Cổ tức, lợi nhuận, lãi trái phiếu

389.012.990

477.069.000

Doanh thu hoạt động tư doanh chứng khoán

629.937.733

9.547.470

Doanh thu bảo lãnh

1.280.000.000

9.027.600

Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính

815.000.000

60.000.000

Doanh thu hoạt động tư vấn khác

98.315.000

Doanh thu hoạt động quản lý cổ đông

15.145.500

1.200.000

Lãi tiền gửi

218.838.841

750.525.834

Doanh thu hoạt động hỗ trợ vốn kinh doanh

1.784.510.456

Doanh thu hoạt động ứng trước cho nhà đầu tư

878.800.080

144.691.387

Doanh thu khác

17.714.809

6.744.650

Các khoản giảm trừ doanh thu

(479.800.673)

Doanh thu thuần

13.209.509.267

3.139.485.761

15. Chi phí hoạt động kinh doanh :

Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán

952.887.385

343.463.423

Chênh lệch lỗ hoạt động tư doanh

1.549.536.202

1.367.923.900

Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán

1.000.000

Chi phí hoạt động tư vấn tài chính

3.983.800

5.000.000

Chi phí hoạt động tư vấn khác

1.120.000.000

257.855.000

Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán

6.014.575

2.785.766

Trả lãi tiền vay

533.804.687

88.624.123

Chi phí nhân viên trực tiếp

1.231.571.000

Chi phí vật tư đồ dùng

447.069.526

150.000

Chi phí khấu hao

590.298.740

Chi phí bằng tiền khác

2.388.003.820

315.331.357

Dự phòng giảm giá chứng khoán

(1.937.355.190)

(*) 6.938.880.190

Tổng

6.886.814.545

9.320.013.759

(*) Phân loại lại khoản mục chi phí trên Báo cáo kết quả kinh doanh của năm 2008. Chuyển trích lập dự phòng từ Chi phí quản lý sang Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán

16. Chi phí quản lý

Chi phí nhân viên	2.682.178.324	6.111.048.001
Chi phí vật liệu	77.701.400	105.573.573
Chi phí công cụ dụng cụ	95.731.758	677.729.108
Chi phí khấu hao	1.117.629.358	1.545.220.967
Thuế phí, lệ phí	70.551.473	29.145.752
Chi phí sản xuất		22.197.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	680.624.910	2.757.283.732
Chi phí bằng tiền khác	59.518.999	466.665.839
Tổng	4.783.936.222	11.714.864.472

17. Những thông tin khác

Thay đổi chung về chính sách kế toán của Nhà nước :

- Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25% (thay vì 28% như từ năm 2008 trở về trước)
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ và các khoản mục công nợ có gốc ngoại tệ được áp dụng theo Thông tư 177/2009/TT-BTC ngày 10/09/2009 và Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 do Bộ Tài chính ban hành
- Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi, bảo hành sản phẩm hàng hóa công trình xây lắp tại doanh nghiệp theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 do Bộ Tài chính ban hành. Riêng dự phòng tổn thất đầu tư tài chính cho Công ty chứng khoán hiện vẫn chưa có qui định cụ thể nên Công ty trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn chứng khoán chưa niêm yết với tỷ lệ 30% giá trị ghi sổ tại ngày 31/12/2009.

Số liệu so sánh :

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

TP. HCM, ngày 10 tháng 03 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đoàn Thị Hồng Loan



Lê Hồng Sơn

(Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính)